

Bản án số: 10/2021/DSST

Ngày 06/4/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Ý;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Anh Chi – Là cán bộ hưu.

2. Bà : Đào Thị Đoan – Là cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 108/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX- ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế G, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn M, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trịnh Xuân T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn M, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

Có mặt anh G, vắng mặt chị B, anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thế G trình bày:

Anh làm cùng công ty TNHH Elentec Việt Nam với chị Nguyễn Thị B, do chị B có nói với anh là hoàn cảnh gia đình khó khăn và hỏi anh cho chị B vay tiền, anh đồng ý. Ngày 18/12/2018, anh cho chị B vay số tiền

10.000.000đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thống nhất thỏa T mức lãi suất hàng tháng là 0,9%/1 tháng; thời hạn thanh toán đến ngày 18/6/2019. Đến nay, đã quá thời hạn thanh toán, anh yêu cầu chị B trả nợ nhiều lần nhưng chị B chưa thanh toán cho anh.

Nay anh yêu cầu đề nghị chị B thanh toán cho anh toàn bộ số tiền là: 21.350.000đồng;

Trong đó tiền gốc là: 10.000.000đồng;

Tiền lãi là: 3.600.000đồng;

Tiền phạt do chậm muộn, không trả đúng hạn: 7.000.000đồng;

Ngoài ra anh G còn yêu cầu chị B bồi thường cho anh tiền đi lại, xăng xe, gửi xe, 1/3 ngày công làm việc ở mức 150.000đồng/1 ngày, tổng số tiền là: 750.000đồng;

Bị đơn là chị Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 12/3/2021 chị trình bày:

Chị và chồng chị là Trịnh Xuân T có vay của anh Nguyễn Thế G ở Thụy Hà, Đông Anh, T/P Hà Nội, số tiền 10.000.000đồng vào ngày 18/12/2018. Khi vay, chị có ký giấy vay tiền với anh G và thỏa T mức lãi suất là 0,9%/1tháng, thời điểm thanh toán cả gốc và lãi đến ngày 18/6/2019. Quá trình vay, hàng tháng chị đã thanh toán tiền lãi cho anh G bằng hình thức trả tiền mặt và thanh toán qua tài khoản tại Ngân hàng cho anh G. Tính đến ngày 12/3/2021, chị đã thanh toán cho anh G tổng số tiền là 19.500.000đồng. Trong đó có 18.000.000đồng là tiền lãi chị trả cho anh G vào các tháng từ tháng 12/2019 đến tháng 08/2020 và 1.500.000đồng là tiền gốc. Hàng tháng chị thanh toán tiền lãi cho anh G đều là đưa tiền mặt và đưa trực tiếp cho anh G vì thời điểm đó chị và anh G vẫn làm cùng công ty và không có giấy tờ biên nhận cũng như không có ai làm chứng. Đối với số tiền gốc 1.500.000đồng chị trả cho anh G bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng Quân Đội và có phiếu giao dịch của Ngân hàng. Đến nay, anh G yêu cầu chị thanh toán toàn bộ số tiền gốc là 10.000.000đồng, số tiền lãi là 3.600.000đồng và bồi thường cho anh G những chi phí khác, chị không đồng ý. Chị chỉ đồng ý thanh toán nốt số tiền gốc còn lại là 8.500.000đồng, ngoài ra không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho anh G. Tòa án có yêu cầu chị xuất trình các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vay nợ cũng như trả nợ cho anh G nhưng chị chỉ xuất trình và giao nộp cho Tòa án 01 phiếu giao dịch qua Ngân hàng, ngoài ra không còn bất kỳ tài liệu nào khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trịnh Xuân T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 18/11/2020 thể hiện:

Anh là chồng chị Nguyễn Thị B. Anh có nghe chị B nói lại về việc chị B có vay của anh Nguyễn Thế G số tiền 10.000.000đồng với lãi suất thỏa T là

0,9%/1tháng, thời hạn thanh toán cả gốc và lãi là ngày 18/6/2019. Hàng tháng vợ chồng anh chị đã trả lãi đúng hạn, cụ thể số tiền đã trả cho anh G như thế nào anh không nhớ. Đến nay, anh G yêu cầu vợ chồng anh trả cả gốc và lãi tính đến thời điểm này với số tiền 21.350.000đồng vợ chồng anh không đồng ý. Sau khi chị B nghỉ việc tại công ty cũng đã nhiều lần liên lạc với anh G để trả nợ nhưng không gặp được anh G.

Tại phiên tòa: - Nguyên đơn anh Nguyễn Thế G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc bà B phải trả cho anh số tiền mà chị B đã vay của anh là: Trong đó tiền gốc: 10.000.000đồng; Tiền lãi là: 3.600.000đồng; Tiền phạt do chậm muộn, không trả đúng hạn: 7.000.000 đồng; Ngoài ra anh G còn yêu cầu chị B bồi thường cho anh tiền đi lại, xăng xe, gửi xe, 1/3 ngày công làm việc ở mức 150.000đồng/1 ngày, tổng số tiền là: 750.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12 /3/2021.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 16, 119, 274, 275, 276, 278, 280, 357, 385, 386, 388, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 147 BLTTDS:

1) Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh G, buộc chị B trả cho anh G số tiền gồm: 8.500.000đ tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật đến khi thực hiện xong nghĩa vụ hợp đồng.

- Bác một phần yêu cầu của anh Nguyễn Thế G yêu cầu chị Nguyễn Thị B phải trả: Tiền phạt do chậm muộn, không trả đúng hạn, tiền đi lại, xăng xe, gửi xe, 1/3 ngày công làm việc ở mức 300.000đồng/1 ngày.

2) Về án phí: Chị B chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh G chịu án phí đối với nội dung bị bác yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thế G khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị B trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2018, nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn

là chị Nguyễn Thị B hiện đang cư trú tại thôn Mai Đông, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị B, anh T nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị B, anh T vắng mặt, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh T.

[2] Về nội dung:

Năm 2018, chị Nguyễn Thị B vay của anh Nguyễn Thế G số tiền 10.000.000 đồng. Hai bên thỏa T lập Hợp đồng vay tiền với số tiền vay là 10.000.000đ, lãi suất 0,9%/tháng, thời hạn vay từ ngày 18/12/2018 đến ngày 18/6/2019, hợp đồng này có chữ ký, chữ viết của chị B. Đến hạn, chị B không trả nợ cho anh G nên anh khởi kiện yêu cầu chị B phải trả số tiền 10 . 000.000đ tiền gốc và tiền lãi 0,9%/tháng, kể từ tháng 12/2018 cho đến nay là 3.600.000đ. Ngoài ra anh G còn yêu cầu chị B trả cho anh số tiền 7. 000 .000đ là tiền do anh đi lại liên quan đến việc đòi nợ chị B và tiền xăng xe, gửi xe, 1/3 ngày công làm việc ở mức 300.000đồng/1 ngày = 750.000đ.

[2.1]. Xét lời khai của chị B, nhận thấy: Chị B thừa nhận giấy vay tiền ngày 18/12/2018 do anh G xuất trình là do chị tự nguyện viết để xác nhận vay của anh Nguyễn Thế G số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và lãi là 0,9%/ tháng. Chị B không đồng ý trả cho anh G số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), và lãi 3 .600.000đ, vì trước đó, chị đã trả cho anh G số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) gốc và 18.000.000đồng là tiền lãi .Nay, chị chỉ còn nợ anh G là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 13/01/2021, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để yêu cầu chị B cung cấp văn bản chứng minh đã trả cho anh G số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) tiền lãi nhưng chị B đã không cung cấp tài liệu, chứng cứ trên để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ, không đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa để làm rõ các tranh chấp có trong vụ án.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Xét, nghĩa vụ chứng minh thuộc trách nhiệm của chị B nhưng chị B đã không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về nợ gốc:

Xét yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ gốc của anh G, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng vay tiền giữa anh G và chị B được xác lập ngày 18/12/2018, có chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị B” của chị B, các thỏa T trong hợp đồng đều tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý. Quá trình giải quyết vụ án, chị B xác nhận có vay tiền của anh G với những nội dung hai bên đã ký trong giấy vay tiền. Nhưng chị B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của anh G, chị chỉ đồng ý thanh toán phần tiền gốc còn lại là 8.500.000đồng. Tuy nhiên ngoài lời khai, chị B chỉ xuất trình và giao nộp được 01 phiếu chuyển tiền cho anh Nguyễn Thế G qua Ngân hàng với số tiền 1.500.000đ, ngoài ra chị không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh G trình bày đối với số tiền 1.500.000 chị B chuyển qua ngân hàng vào tài khoản của anh là có thật nhưng anh không nhớ chị B trả tiền gì vì ngoài lần vay tiền này ra chị B còn vay lẽ anh nhiều lần khác (hai bên không có viết giấy tờ gì) anh G cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác. Nên có căn cứ để xác định chị B đã trả được số tiền gốc 1.500.000đ cho anh G. Còn về số tiền lãi 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), ngoài lời khai của chị B ra không có chứng cứ nào chứng minh chị đã trả lãi cho anh G, nên không có căn cứ để xác định. Cần buộc chị B và anh T trả lãi cho anh G. Đối với anh T là chồng chị B, hợp đồng này được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của chị B và anh T, mặc dù khi vay tiền anh T không tham gia ký hợp đồng, nhưng chị B có nói cho anh T biết và anh T có xác nhận cùng chị B trả tiền lãi cho anh G. Do đó xác định khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng chị B và anh T.

Vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh G, buộc chị B và anh T phải trả cho anh G số tiền nợ gốc là 8.500.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3]. Về số tiền lãi: Chị B, anh T xác định đã trả cho anh G số tiền nợ lãi là 18.000.000đ nhưng không viết giấy tờ gì, anh G không thừa nhận vì vậy cần buộc chị B phải trả tiền lãi cho anh G. Cụ thể:

+ Về số tiền lãi trong hạn: Theo thỏa T trong giấy vay nợ thì chị Nguyễn Thị B vay số tiền của anh Nguyễn Thế G 10.000.000đ, thời hạn từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2019, lãi suất thỏa T là 0,9%/tháng = 10,8%/năm. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa T. Trường hợp các bên có thỏa T về lãi suất thì lãi suất theo thỏa T không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Do mức lãi suất vay thỏa T trong giấy vay nợ giữa anh G và chị B không vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ để chấp nhận

yêu cầu của anh G về việc yêu cầu chị B và anh T thanh toán cho anh G tiền lãi theo như giấy vay nợ là $0,9\%/tháng \times 10.000.000đ \times 06 \text{ tháng} = 540.000đ$.

+ Về số tiền lãi quá hạn: Tại giấy vay nợ ngày 18/12/2018 giữa anh G và chị B không thỏa T về lãi suất quá hạn. Tuy nhiên, căn cứ điểm c, Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 quy định: “Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa T trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa T khác”. Sau khi đến hạn trả nợ là tháng 6/2019 chị B mới trả được anh G 1.500.000đ tiền gốc, còn lại 8.500.000đ chị B không trả nên buộc chị B phải có trách nhiệm trả nợ lãi quá hạn cho anh G với số tiền cụ thể: $8.500.000đ \times 9\%/ \text{tháng} \times 21 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 2.481.000đ$.

+ Về lãi phạt chậm trả: Trong giấy vay tiền không có nên không chấp nhận yêu cầu của anh G về việc buộc chị B thanh toán cho anh số tiền phạt chậm trả là 7.000.000đ.

Đối với số tiền anh G yêu cầu chị B thanh toán số tiền 750.000đ trong đó có 250.000đ tiền đi lại, xăng xe, gửi xe và 500.000đ tiền mất thu nhập do đi khởi kiện (1/3 ngày công làm việc ở mức 300.000đ là $100.000đ \times 5 \text{ ngày} = 500.000đ$). Xét thấy yêu cầu này của anh G không có thỏa T trong giấy vay tiền cũng như không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh G.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế G được chấp nhận.

Anh Nguyễn Thế G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 143 khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ 463; khoản 1 Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất vi phạm, phạt vi phạm”.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Khoản 1,4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế G đối với chị Nguyễn Thị B. Buộc chị Nguyễn Thị B và anh Trịnh Xuân T phải trả cho anh Nguyễn Thế G số tiền nợ gốc là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 3.021.000 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng).

2. Bác một phần yêu cầu về lãi của anh G với số tiền 579.000đ.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế G đối với chị Nguyễn Thị B yêu cầu phải trả số tiền 7.750.000đ là tiền phạt do trả chậm muộn, không trả đúng hạn và tiền đi lại, xăng xe, gửi xe.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả và số tiền chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B và anh Trịnh Xuân T phải nộp 576.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thế G phải chịu 418.000đ đồng án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Anh được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu số 0019186 ngày 04/11/2020. Anh còn phải nộp tiếp số tiền 118.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thế G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị B và anh Trịnh Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THA. huyện Sóc Sơn;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Ý

